

Số: 107/QĐ-THHMA

Hòa Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thu- chi ngân sách quý II năm 2024
của trường Tiểu Học Hòa Minh A**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA MINH A

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thu – chi ngân sách quý II năm 2024 của trường Tiểu học Hòa Minh A (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, công đoàn, kế toán và các đoàn thể có liên quan trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Công đoàn;
- Lưu : VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hải

Đơn vị: Trường Tiểu học Hòa Minh A

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ II NĂM 2024
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý II/2024	So sánh (%)	
				Dự toán 2023	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.955	2.541	121%	125%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.822	2.544	121%	129%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	133	-3	116%	-61%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Hòa Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Lập bảng



Phan Thị Lài



Nguyễn Thanh Hải

TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA MINH A

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUÍ II/2024

ĐVT: Đồng

Nội dung	Thu	Chi	Tồn
Nguồn 13	7.382.349.831	2.544.257.249	4.838.092.582
Quý I/2024 chuyển sang	7.284.952.895		
Dự toán bổ sung lương GVM Từ T5/2024	45.396.936		
Dự toán điều chỉnh lương tạp vụ	52.000.000		
Lương theo ngạch, bậc		1.232.006.400	
Lương hợp đồng		7.160.400	
Phụ cấp chức vụ		18.630.000	
Phụ cấp ưu đãi nghề		436.396.338	
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		9.087.000	
Phụ cấp thâm niên vượt khung; pc thâm niên nghề		331.241.290	
Bảo hiểm xã hội		278.081.665	
Bảo hiểm y tế		47.671.142	
Kinh phí công đoàn		31.780.762	
Bảo hiểm thất nghiệp		15.443.980	
Tiền điện		9.200.586	
Tiền nước		9.002.452	
Văn phòng phẩm		878.000	
Vật tư văn phòng khác		5.000.000	
Điện thoại		66.000	
Internet		792.000	
Tiền vé phà, xe		11.063.500	
Phụ cấp lưu trí		1.560.000	
Khoản CTP		2.000.000	
Thuê xe		4.300.000	
Thuê tạp vụ, bảo vệ		34.400.000	
Thuê trang phục, đạo cụ		2.400.000	
Các thiết bị Công nghệ thông tin		19.498.000	
Hàng hóa vật tư		17.492.734	
Chi các khoản khác		19.105.000	
Nguồn 12	53.478.937	-2.900.000	56.378.937
Quý I/2024 chuyển sang	105.478.937		
Dự toán điều chỉnh giảm lương tạp vụ	-52.000.000		
Chi tiền công cho tạp vụ		6.500.000	
Chuyển khoản Gia hạn PM TKB + Thiết bị		4.000.000	
Chuyển khoản Gia hạn hệ thống PM QLTS		1.800.000	
Điều chỉnh thuê tạp vụ từ nguồn 12 sang N13		-15.200.000	
Nguồn 14			
Dự toán quý I/2024 chuyển sang			25.406
Tổng	9.942.788.174	2.552.330.936	7.390.457.238

Hòa Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2024

Kế toán


Phan Thị Lai



HIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hải